

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: 497/2021/HSST

Ngày: 30/11/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Thiều Thị Phi Loan

- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn

Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 414/2021/HSST ngày 13/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2021/HSST ngày 06/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1015/2021/HSST-QĐHPT ngày 28/9/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 1259/TB-TA ngày 25/10/2021; Thông báo dời ngày xét xử số 1328/TB-TA ngày 09/11/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1337/TB-TA ngày 18/11/2021 đối với bị cáo:

Phan Văn H, Tên gọi khác: Phan Trung H; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 30 tháng 4 năm 1992 tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa.

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Phan Trung S (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1962.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án:

- Tại Bản án số 103/2011/HSST ngày 15/9/2011, Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân TX P, tỉnh B) xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2010, đến ngày 28/6/2012 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

- Tại Bản án số 62/2015/HSST ngày 28/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân TX Phú Mỹ, tỉnh B) xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2014, đến ngày 13/01/2018 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 26/12/2019 - Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B (Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị hại: Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Đ- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9 giờ ngày 26/12/2019, Phan Văn H, sinh năm 1992, đi xe buýt đến cây xăng 26 thuộc phường T, thành phố B. Tại đây H gọi điện thoại cho Đ (chưa rõ lai lịch) đến đón mình. Đ rủ H đi trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy về sử dụng và được H đồng ý. Đức dùng xe Mio (không rõ biển số) chở H ngồi sau đi tìm tài sản để trộm cắp, cả hai chạy xe đi được một đoạn thì gặp bạn của Đức (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi xe hiệu Dream (không rõ biển số) nên Đ rủ người này cùng đi trộm cắp. Khi đi đến trước tiệm bán hoa của anh Phạm Quốc H, sinh năm 1991, thuộc tổ 12, KP 3, phường T, thành phố B, thì phát hiện xe moto Wave alpha màu đỏ, biển số 60B9-575.30 của chị Nguyễn Ngọc H đang dựng gần đó để xuống lựa mua hoa. Đ đã đưa cho H 01 đoạn bẻ khóa hình chữ L và nói H vào trộm xe của chị H. H cầm đoạn đến phá khóa xe và dẫn bộ ra được khoảng 02m thì bị anh Phạm Văn Đ phát hiện bắt giữ giao công an phường lập biên bản phạm tội quả tang. Riêng Đ và đồng bọn đã chạy thoát.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, bản tự khai và lời khai của bị cáo, biên bản hỏi cung.

Biên bản ghi lời khai người bị hại, người chứng kiến.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

Vật chứng là 01 xe moto biển số 60B9-575.30; 01 đoạn hình chữ L bằng kim loại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 655/TCKH-HĐĐG ngày 31/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: 01 xe mô tô biển số: 60B9-575.30, hiệu Honda Wave màu đỏ, với trị giá: 16.900.500đ (*Hai mươi sáu triệu, chín trăm nghìn, năm trăm đồng*).

Xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã ra quyết định trả 01 xe moto biển số 60B9-575.30, số khung: 3912KY083322, số máy: JA39E0939745 cho chị Nguyễn Ngọc H.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản án số 204/2020/HSST ngày 05/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã xử phạt bị cáo Phan Văn H 01 năm 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 250/2020/HSPT-QĐ ngày 08/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã đình chỉ xét xử vụ án do bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 18/2021/HS-GĐT ngày 03/02/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố H đã hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 204/2020/HSST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ để xét xử lại theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 429/CT-VKSBBH ngày 12/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Phan Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo: Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo, bị hại tại phiên tòa:

Bị cáo Phan Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid 19; Còn bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Xét việc bị cáo xin vắng mặt là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, còn việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 và khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Theo các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại các biên bản lấy lời khai, bản tự khai bị cáo đã thừa nhận vào khoảng 09 giờ ngày 26/12/2019, tại cửa hàng tiệm bán hoa của anh Phạm Quốc H, thuộc tổ 12, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo đã có hành vi lấy trộm 01 xe mô tô biển số: 60B9-575.30, hiệu Honda Wave màu đỏ, trị giá: 16.900.500đ (Hai mươi sáu triệu, chín trăm nghìn, năm trăm đồng) của chị Nguyễn Ngọc H thì bị phát hiện bắt quả tang.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Do tại Bản án số 62/2015/HSST ngày 28/5/2015, Tòa án nhân dân huyện T (nay là Tòa án nhân dân TX P, tỉnh B) xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” đã áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” đối với bị cáo, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản do cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là “*tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo:

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 đoạn hình chữ L bằng kim loại cần tịch tiêu hủy.

Đối với 01 xe moto biển số 60B9-575.30, số khung: 3912KY083322, số máy: JA39E0939745, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định trả cho chị Nguyễn Ngọc Hạnh là phù hợp.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

[8] Về vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên Đ (Không rõ lai lịch) và bạn của Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản cùng với H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2019.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn hình chữ L bằng kim loại theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu ngày 07/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo – Bị hại;
- Lưu.

Bùi Lan Hương

